

CHƠN-LÝ SẮC KHÔNG
của TIÊU-THỪA và ĐẠI-THỪA

312. V. Có pháp nào làm cho mình hiểu thêm thật rộng, thật sâu chơn-lý Tuyệt-đài Trung-đạo chăng ?

D. Nếu tỏ ngộ được pháp lý sắc không của Đại-thừa thì thấu-triệt được Tuyệt-đài Trung-đạo.

313. V. Sắc không là gì ?

D. Sắc, tiếng Phạn là rūpa, tức là những sắc-tướng, những hình-dạng (formes) vật-chất. Sắc có hai thứ : thứ nhất là « sắc-trần-cảnh », thuộc về thế giới ngoài cảnh (ngoại thân) ; thứ nhì là « sắc-căn-thần », thuộc về các căn trong thân thể.

Sắc-trần-cảnh lại chia làm hai thứ : một là hiển sắc, như các màu mè đỏ, đen, trắng v. v. . . Những màu này nó hiển hiện ra cho ta thấy cái sắc của nó, nên gọi là hiển sắc. Hai là hoặc sắc, là những vật chất có hình, có tướng, có dạng khác nhau, hoặc cứng, hoặc mềm, hoặc khô, hoặc ướt v. v. . . Những hình dạng này từ vật nhỏ như vi trần, đến dần dần đến núi non, sông, biển, địa-cầu . . .

Trên đây là nói chung về « sắc trần cảnh », nó thuộc năm món trong lục trần là : sắc, hình, hương, vị, xúc. Còn cái năm căn : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, sắc căn thân, gồm có một uẩn trong năm uẩn : sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Sắc uẩn mặc dầu thuộc về căn thân, nhưng nó là vật chất, nên cũng đồng với sắc trần cảnh không khác, đều là tương phần của a-lại-da-thức (hàm-tàng-thức). Nhưng, dầu căn thân, dầu trần cảnh cũng thuộc về sắc pháp (các pháp có hình sắc như vật-chất), trái với tâm pháp (các pháp có hình sắc như của tinh-thần). — Định nghĩa chữ sắc như thế, thì biết rằng sắc là những món thuộc về hiện tượng vật-chất (phénomène matériel) tức là vạn hữu trong thế gian vậy.

Đã hiểu chữ sắc rồi, thì chữ không (arūpa), cũng chẳng có gì là khó hiểu, như chữ hữu đối với chữ vô vậy. Nhưng, đó là thuộc về nghĩa của danh-từ. Còn về chơn-lý thì sắc không của Tiêu-thừa chẳng đồng nghĩa với Đại-thừa. Ấy là chưa nói tới cái chơn-lý « huyền sắc huyền không » của Sai biệt trí Bồ-tát, không đồng nghĩa với chơn-lý Tiêu-thừa và Đại-thừa.

314. V. Thế nào gọi là sắc không của Tiêu thừa ?
D. Pháp-lý của Tiêu-thừa còn trong vòng tương-đối vì lẽ ấy, cách định nghĩa sắc không cũng ở trong vòng đối-đái tức là cái « có » đối với cái « không », chứ chẳng có gì lạ. Cái

có Niết-bàn, . . . mà thành ra chướng ngại. Nên biết rằng « thi giác » đồng với « bất giác » : (vô-minh vọng tưởng) không riêng không khác, cũng như cái lý phiến não tức Bồ-đề. Khi mê thì bất giác, khi ngộ thì không có Bồ-đề giác diệu minh nào khác với thi giác. Cũng như nước, khi đầy muôn trùng thì kêu là sóng, đến lúc yên lặng thì gọi là nước.

Do chỗ hỏi của Kim-Cang-Tạng Bồ-tát, được Thế-tôn trả lời như vậy :

Kim-Cang-Tạng phải biết :
Phật là thể tánh tịch, (tịnh)
Chưa từng có trước sau,
Nếu dùng tâm luân-hồi,
Mà suy-nghi quanh-quần,
Chỉ đến chốn luân-hồi, (1)
Không vàoặng biển bất giác,
Vi như nung quặng vàng,
Vàng không nung vẫn có, (2)
Bôi bùn - lai là vàng,
Nhưng, nhờ nung thành-từu, (3)
Khi thành hình vàng ròng,
Không trở lại làm quặng,
Sanh - tử với Niết-bàn,
Phàm - phu và chư Phật,
Đều là tương hoa đốm, (giả-đối) (4)
Suy-nghi là huyền-hoá, (5)
Hướng hỏi coi hư dối, (6)
Biết được tâm này rồi, (7)
Mới nên cầu viên-giác, (8)

Còn rất nhiều kinh luận Đại thừa, mà cái nghĩa lý của nó toàn là Tuyệt-đài-Trung-đạo, không thể thuật hết ra đây được.

(1) Dùng vọng tâm điên đảo mà suy-nghi coi thể tánh tịch-tĩnh, thì càng suy-nghi, càng không rõ lẽ.

(2) Quang vàng tung vốn thuộc loại huyền kim, nhưng để vọng tưởng không được, phải nung, cũng như chúng-sanh, tung bản-lai là Phật, nhưng phải trau-đổi.

(3) Phật không bao giờ lớn lai làm chúng-sanh.

(4) Sanh-tử vốn không, Niết-bàn như mộng.

(5) Suy-nghi còn không thật, (vì tư-tướng là giả-đối) lại đi hỏi những điều không-thể có.

(6) Nếu biết được chơn-tâm bản-lai là Phật, mới có lẽ tu chứng quả-bị viên-giác (viên-minh diệu giác, Phật).